



健康促進與銀髮保健系新南向國際學生產學合作專班入學須知

Department of Health Promotion and Gerontological Care New Southbound International Student Industry-Academia Collaboration Information for International

Thông tin nhập học Chương trình hợp tác đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp dành cho sinh viên quốc tế theo Chính sách Hướng Nam mới – Khoa Thúc đẩy Sức khỏe và Chăm sóc Người cao tuổi

項次 No. Số thứ tự	項目 Topic Hạng mục	說明 Explanatory Details Diễn giải chi tiết						
1	學生應繳費用 Tuition and miscellaneous fees Học phí và các khoản phí khác mà sinh viên phải đóng	<p>✓ 學雜費應於每學期初註冊時繳交，依照各學系收費標準收費。如未來學雜費調整，依本校規定辦理。 Tuition and miscellaneous fees must be paid when students register at the beginning of each semester, fees are charged according to the fees of each department. Any future changes to the tuition and miscellaneous fees will be made in accordance with the internal regulations of the Taipei University of Marine Technology.</p> <p>Học phí và các khoản phí khác phải được nộp khi sinh viên đăng ký vào đầu mỗi học kỳ, mức phí được áp dụng theo quy định của từng khoa. Nếu có điều chỉnh học phí trong tương lai, sẽ được thực hiện theo quy định của Trường Đại học Kỹ thuật Hải dương Đà Bắc.</p> <p>✓ 2025年秋季班第一學年學雜費收費標準如下表，詳細收費以學校公告為主。 The following tuition fees apply to the students admitted in the fall semester, 2025. Any change will be announced. All fees shown are in New Taiwan Dollar (NTD).</p> <p>Mức học phí cho năm học đầu tiên đối với sinh viên nhập học kỳ mùa thu năm 2025 được thể hiện trong bảng dưới đây. Mọi thay đổi sẽ được nhà trường thông báo. Tất cả các khoản phí đều được tính bằng Đô la Đài Loan mới (NTD).</p> <table border="1" data-bbox="448 1503 1497 1733"> <thead> <tr> <th>系別 Department Khoa</th> <th>第一年 The First Year Năm thứ nhất</th> <th>第二~四年 Second to Fourth Year Năm thứ hai đến năm thứ tư</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>健康促進與銀髮保健系 Department of Health Promotion and Gerontological Care</td> <td>\$20,000</td> <td>\$43,000</td> </tr> </tbody> </table> <p>✓ 住宿費第一學年免費，第二學年起每學期新臺幣 12,500 元(含保證金及網路費)，如有調整，依本校相關規定辦理。 Free accommodation for the first academic year. NTD 12,500 per semester starting from the second academic year (including security deposit and internet fee). Any adjustments will be made in accordance with the relevant regulations of the school.</p>	系別 Department Khoa	第一年 The First Year Năm thứ nhất	第二~四年 Second to Fourth Year Năm thứ hai đến năm thứ tư	健康促進與銀髮保健系 Department of Health Promotion and Gerontological Care	\$20,000	\$43,000
系別 Department Khoa	第一年 The First Year Năm thứ nhất	第二~四年 Second to Fourth Year Năm thứ hai đến năm thứ tư						
健康促進與銀髮保健系 Department of Health Promotion and Gerontological Care	\$20,000	\$43,000						

		<p>Miễn phí ký túc xá trong năm học đầu tiên. Từ năm học thứ hai trở đi, phí ký túc xá là 12.500 Đài tệ mỗi học kỳ (bao gồm tiền đặt cọc và phí internet). Nếu có điều chỉnh, sẽ được thực hiện theo quy định liên quan của nhà trường.</p> <p>✓ 其他 other Khác</p> <table border="1" data-bbox="443 371 1501 1227"> <thead> <tr> <th data-bbox="443 371 756 488">項目 Item Hạng mục</th> <th data-bbox="756 371 1145 488">費用 Expenses Chi phí</th> <th data-bbox="1145 371 1501 488">備註 Note Ghi chú</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="443 488 756 685">外國新生醫療保險 New International Students' Medical Insurance (NISMI) Bảo hiểm y tế cho sinh viên quốc tế mới</td> <td data-bbox="756 488 1145 685">NT\$ 3,000 / first semester / học kỳ đầu tiên</td> <td data-bbox="1145 488 1501 685">外國學生在臺前六個月需加保 For the first 6 months Sinh viên nước ngoài phải mua bảo hiểm trong 6 tháng đầu tiên ở Đài Loan</td> </tr> <tr> <td data-bbox="443 685 756 909">全民健康保險 National Health Insurance(NHI) Bảo hiểm y tế toàn dân</td> <td data-bbox="756 685 1145 909">NT\$ 826 / month / mỗi tháng</td> <td data-bbox="1145 685 1501 909">抵台後 6 個月後必須加入此保險 Starting from the 6 months after Bắt đầu từ 6 tháng sau khi đến Đài Loan, phải tham gia bảo hiểm này</td> </tr> <tr> <td data-bbox="443 909 756 1039">工作證費用 Work Permit Fee Phí giấy phép làm việc</td> <td data-bbox="756 909 1145 1039">NT\$ 100/ semester / mỗi học kỳ</td> <td data-bbox="1145 909 1501 1039">每半年需更換一次 Need to be renewed every semester Cần được gia hạn mỗi học kỳ</td> </tr> <tr> <td data-bbox="443 1039 756 1227">外僑居留證 Alien Resident Certificate(ARC) Giấy chứng nhận cư trú cho người nước ngoài</td> <td data-bbox="756 1039 1145 1227">NT\$1,000 / year / mỗi năm</td> <td data-bbox="1145 1039 1501 1227">每年更新 Renew annually Gia hạn hàng năm</td> </tr> </tbody> </table>	項目 Item Hạng mục	費用 Expenses Chi phí	備註 Note Ghi chú	外國新生醫療保險 New International Students' Medical Insurance (NISMI) Bảo hiểm y tế cho sinh viên quốc tế mới	NT\$ 3,000 / first semester / học kỳ đầu tiên	外國學生在臺前六個月需加保 For the first 6 months Sinh viên nước ngoài phải mua bảo hiểm trong 6 tháng đầu tiên ở Đài Loan	全民健康保險 National Health Insurance(NHI) Bảo hiểm y tế toàn dân	NT\$ 826 / month / mỗi tháng	抵台後 6 個月後必須加入此保險 Starting from the 6 months after Bắt đầu từ 6 tháng sau khi đến Đài Loan, phải tham gia bảo hiểm này	工作證費用 Work Permit Fee Phí giấy phép làm việc	NT\$ 100/ semester / mỗi học kỳ	每半年需更換一次 Need to be renewed every semester Cần được gia hạn mỗi học kỳ	外僑居留證 Alien Resident Certificate(ARC) Giấy chứng nhận cư trú cho người nước ngoài	NT\$1,000 / year / mỗi năm	每年更新 Renew annually Gia hạn hàng năm
項目 Item Hạng mục	費用 Expenses Chi phí	備註 Note Ghi chú															
外國新生醫療保險 New International Students' Medical Insurance (NISMI) Bảo hiểm y tế cho sinh viên quốc tế mới	NT\$ 3,000 / first semester / học kỳ đầu tiên	外國學生在臺前六個月需加保 For the first 6 months Sinh viên nước ngoài phải mua bảo hiểm trong 6 tháng đầu tiên ở Đài Loan															
全民健康保險 National Health Insurance(NHI) Bảo hiểm y tế toàn dân	NT\$ 826 / month / mỗi tháng	抵台後 6 個月後必須加入此保險 Starting from the 6 months after Bắt đầu từ 6 tháng sau khi đến Đài Loan, phải tham gia bảo hiểm này															
工作證費用 Work Permit Fee Phí giấy phép làm việc	NT\$ 100/ semester / mỗi học kỳ	每半年需更換一次 Need to be renewed every semester Cần được gia hạn mỗi học kỳ															
外僑居留證 Alien Resident Certificate(ARC) Giấy chứng nhận cư trú cho người nước ngoài	NT\$1,000 / year / mỗi năm	每年更新 Renew annually Gia hạn hàng năm															
2	外籍生全民健康保險加保注意事項 Health Insurance Lưu ý khi tham gia Bảo hiểm Y tế Toàn dân dành cho sinh viên nước ngoài	<p>✓ 全民健康保險是一種強制性的社會保險，提供外國學生在臺平等的就醫權益。外國學生來臺就學，自居留滿六個月時起，即應依法強制參加全民健康保險，於就讀學校辦理參加全民健保或自行加保。(所稱在臺居留滿六個月，指連續在臺居住達六個月或曾出境一次未逾三十日，其實際居住期間扣除出境日數後併計達六個月。</p> <p>National Health Insurance (NHI) is a compulsory social insurance that provides foreign students with equal medical rights in Taiwan. According to National Health Insurance Act, any foreign student who stays in Taiwan with an Alien Resident Certificate (ARC) over six months is obligated to underwrite an insurance policy under NHI. Definition of a person stays in Taiwan for full 6 months: 6 months of continuous residence in Taiwan or with one trip abroad not exceeding 30 days when the actual residency period of 6 months is reached after the days abroad have been deducted.</p> <p>Bảo hiểm y tế toàn dân (NHI) là một loại bảo hiểm xã hội bắt buộc, cung cấp quyền lợi khám chữa bệnh bình đẳng cho sinh viên nước ngoài tại Đài Loan. Sinh viên nước ngoài khi đến Đài Loan học tập, nếu đã cư trú đủ sáu tháng theo giấy phép cư trú (ARC), thì phải bắt buộc tham gia bảo hiểm y tế toàn dân theo quy định pháp luật. “Cư trú đủ sáu tháng” nghĩa là sinh viên đã sống liên tục tại Đài Loan trong sáu tháng hoặc có một lần xuất cảnh không quá 30 ngày, thời gian thực tế cư trú được tính sau khi đã trừ đi ngày xuất cảnh.</p>															

	<ul style="list-style-type: none"> ✓ 保險費繳納方式及金額:規定外籍生健保費應註冊時一併繳納。外籍生保險費每月新台幣 826 元(依健保局現行收費標準)， Insurance payment method and amount : The cost of National Health Insurance (NHI) should be included in the tuition fee every semester. If you are eligible to underwrite an insurance policy under NHI. The cost is TWD 826 each month. Phương thức và số tiền đóng bảo hiểm: Theo quy định, phí bảo hiểm y tế của sinh viên nước ngoài phải được đóng cùng lúc khi đăng ký học. Phí bảo hiểm y tế đối với sinh viên nước ngoài hiện nay là 826 Đài tệ mỗi tháng (theo mức phí hiện hành của Cục Bảo hiểm Y tế). ✓ 持有健保 IC 卡新生，請洽國際暨兩岸交流中心承辦人辦理繳費及健保轉入相關事宜。 For new students who have already possessed a valid NHI IC Card, please come to the Office of International and Cross-Strait Affairs Center to apply for the transfer. Sinh viên mới đã có thẻ IC bảo hiểm y tế, vui lòng liên hệ Văn phòng Hợp tác Quốc tế và Giao lưu Đại lục để làm thủ tục đóng phí và chuyển đổi bảo hiểm. ✓ 如外國學生在健保期內，休學，退學，畢業但其居留證仍在有效期限內，學校將不再代為加保，該學生必須自行前往繳交健保費。 Students who are suspended from school, termination of studies, or graduated from school (ARC still within the valid period), must pay the NHI fees at local district office. Those students can no longer join NHI through Taipei University of Marine Technology. Nếu sinh viên nước ngoài đang trong thời gian tham gia bảo hiểm y tế mà có nghỉ học, bỏ học hoặc tốt nghiệp nhưng giấy phép cư trú (ARC) vẫn còn hiệu lực, nhà trường sẽ không tiếp tục tham gia bảo hiểm thay. Sinh viên phải tự đến cơ quan địa phương đóng phí bảo hiểm. ✓ 如有在外打工者，請學生向公司申請轉入證明，並交相關證明至國際暨兩岸交流中心，避免重複投保。 International students who work off-campus must obtain the transfer certificate from their companies and submit the documents to the Office of International and Cross-Strait Affairs Center to avoid duplicate coverage. Nếu sinh viên làm thêm ngoài trường, vui lòng xin giấy xác nhận chuyển đổi từ công ty và nộp giấy tờ liên quan cho Văn phòng Hợp tác Quốc tế và Giao lưu Đại lục để tránh trùng lặp bảo hiểm.
<p>3</p> <p>休退學相關規定 Regulations regarding students suspending or withdrawing from their studies Quy định về việc tạm nghỉ học hoặc thôi học của sinh viên</p>	<ul style="list-style-type: none"> ✓ 休退學事宜依本校台北海洋科技大學學則第四節規定辦理。 Any matters related to student's suspension or termination of studies shall be dealt with in accordance with the regulations from Taipei University of Marine Technology's Academic Regulations (Section 4). Các vấn đề liên quan đến việc tạm nghỉ học hoặc thôi học của sinh viên sẽ được xử lý theo quy định tại Mục 4 của Quy chế Học thuật trường Đại học Kỹ thuật Hải dương Đài Bắc (TUMT). ✓ 如擬辦理休退學，請先洽導師，經導師同意再循程序填表。 If a student is considering suspending or withdrawing from your studies, please make an appointment and discuss with your mentor. You will need an approval from your mentor in Taipei University of Marine Technology, and then, go to the Office of International and Cross-Strait Affairs to discuss the procedure.

		<p>Nếu sinh viên có ý định tạm nghỉ hoặc thôi học, vui lòng liên hệ trước với giáo viên hướng dẫn và chỉ khi được đồng ý mới tiến hành làm thủ tục theo quy trình.</p> <p>✓ 外國學生休學或退學，學校應即通報外交部領事事務局及學校所在地之內政部移民署服務站，移民署將註銷外僑居留證，學生應於 10 日內出境。(外國學生來臺就學辦法第 24 條、入出國及移民法第 31 條及 36 條規定)</p> <p>When an international student defers or withdraws their studies, TUMT must immediately notify the Bureau of Consular Affairs of the Ministry of the Foreign Affairs and the service center(s) of the National Immigration Agency of the Ministry of the Interior where their educational institution is located. The National Immigration Agency will then revoke the student's Alien Resident Certificate, and the student must leave Taiwan within 10 days. (See Article 24 of the Regulations Regarding International Students Undertaking Studies in Taiwan; and Article 31 and Article 36 of the Immigration Act.)</p> <p>Khi sinh viên quốc tế tạm nghỉ học hoặc thôi học, nhà trường phải ngay lập tức thông báo cho Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao và Trung tâm dịch vụ Cục Di trú thuộc Bộ Nội vụ tại nơi trường đóng. Cục Di trú sẽ thu hồi Giấy chứng nhận cư trú cho người nước ngoài (ARC), và sinh viên phải rời khỏi Đài Loan trong vòng 10 ngày. (Theo Điều 24 của Quy định về việc sinh viên quốc tế học tập tại Đài Loan; và Điều 31, 36 của Luật Nhập cư và Xuất cảnh).</p> <p>✓ 外國學生休學後復學，須重新申辦居留簽證，並於入國後 15 天內備妥相關文件換發外僑居留證。(外國護照簽證條例施行細則第 11 條規定、入出國及移民法第 22 條規定)</p> <p>An international student who is resuming their studies after a deferral must reapply for a resident visa, and within 15 days after arriving in Taiwan they must submit all the necessary documents to be issued an Alien Resident Certificate (ARC). (See Article 11 of the Enforcement Rules for the Issuance of ROC Visas to Foreign-Passport Holders; and Article 22 of the Immigration Act)</p> <p>Sinh viên quốc tế sau khi tạm nghỉ học và muốn tiếp tục học phải nộp lại hồ sơ xin cấp visa cư trú, và trong vòng 15 ngày kể từ khi nhập cảnh, phải chuẩn bị đầy đủ giấy tờ để được cấp lại Giấy chứng nhận cư trú cho người nước ngoài (ARC). (Theo Điều 11 của Quy định thi hành việc cấp visa cho người mang hộ chiếu nước ngoài và Điều 22 của Luật Nhập cư và Xuất cảnh).</p> <p>✓ 申請人入學前未具華語文能力 A2 (含) 級以上資格者，入學後須於一年結束前通過華語文能力測驗 A2 級以上，未通過者將予以退學。Applicants, who do not obtain Chinese language proficiency A2 level or above before admission, must pass the Chinese language proficiency test (A2 or above) before the end of first academic year. Those who do not pass the test will be withdrawn.</p> <p>Ứng viên chưa có trình độ tiếng Hoa từ cấp A2 trở lên trước khi nhập học, phải vượt qua kỳ thi năng lực tiếng Hoa cấp A2 trở lên trước khi kết thúc học kỳ hai năm nhất. Những người không vượt qua sẽ bị buộc thôi học.</p>
4	意見反映管道 Channels for overseas	<p>✓ 校內管道，請洽你的導師、系辦公室、學生事務處和國際暨兩岸交流中心、教務處。</p>

	<p>students' views and inquiries Kênh phản hồi ý kiến và thắc mắc dành cho sinh viên quốc tế</p>	<p>Within Taipei University of Marine Technology: contact your mentor, department, Office of Student Affairs, Office of International and Cross Strait Affairs Center, Academic Affairs Office Trong trường Đại học Kỹ thuật Hải dương Đài Bắc: vui lòng liên hệ giáo viên hướng dẫn, văn phòng khoa, Văn phòng Công tác Sinh viên, Văn phòng Hợp tác Quốc tế và Giao lưu Đại lục, Văn phòng Công tác Học vụ.</p> <p>✓ 校外管道 1.學生諮詢平臺：https://www.nisa.moe.gov.tw/moecare/ 2.專線電話 0800-789-007 (中、英、印尼及越南語)</p> <p>Outside Taipei University of Marine Technology: 1.Use the Overseas Student Inquiry window at: https://www.nisa.moe.gov.tw/moecare/ 2.Ring the overseas student inquiry Hotline: 0800-789-007. (You can talk to someone in Chinese, English, Indonesian, or Vietnamese.)</p> <p>Kênh phản hồi bên ngoài trường 1.Sử dụng cửa sổ tư vấn sinh viên quốc tế tại: https://www.nisa.moe.gov.tw/moecare/ 2.Đường dây nóng tư vấn sinh viên quốc tế: 0800-789-007 (Bạn có thể nói chuyện bằng tiếng Trung, Anh, Indonesia hoặc Việt).</p>
5	<p>打工重要規定 Regulations regarding working in Taiwan Quy định quan trọng về làm thêm tại Đài Loan</p>	<p>✓ 外國學生打工應申請工作許可證，工作時間除寒暑假外，每星期最長為 20 小時。(就業服務法第 43 條及第 50 條) An international student must apply for a work permit to work in Taiwan. An international student is not permitted to work more than 20 hours per week, except during the winter and summer vacations. (See Article 43 and Article 50 of the Employment Service Act.) Sinh viên nước ngoài muốn làm thêm phải xin giấy phép lao động. Ngoại trừ kỳ nghỉ hè và đông, thời gian làm việc không được quá 20 giờ mỗi tuần. (Theo Điều 43 và Điều 50 Luật Dịch vụ Việc làm).</p> <p>✓ 未經許可在臺工作，應處新臺幣 3 萬元以上 15 萬元以下罰鍰，並即令其出國，不得再於我國境內工作；屆期不出國者，入出國管理機關得強制出國，於未出國前，入出國管理機關得收容之。(就業服務法第 68 條第 1 項、第 3 項及第 4 項規定) A student who works without a valid work permit will be fined an amount between NTD 30,000 and NTD 150,000, and the person will immediately be ordered to leave Taiwan and will not be permitted to work in Taiwan in future. If the person then fails to leave Taiwan within the specified period, the national entry and exit administrative authority may enforce their departure and may hold the person in detention until they depart. (See Paragraphs 1, 3 and 4 of Article 68 of the Employment Service Act.) Sinh viên làm việc không có giấy phép sẽ bị phạt tiền từ 30.000 đến 150.000 Đài tệ, và bị buộc rời khỏi Đài Loan, không được phép làm việc trong lãnh thổ Đài Loan nữa. Nếu không rời đi trong thời gian quy định, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có quyền cưỡng chế và tạm giữ cho đến khi rời đi. (Theo Khoản 1, 3 và 4 Điều 68 Luật Dịch vụ Việc làm).</p> <p>✓ 如涉在臺非法工作，依本校學生獎懲規定，視情節予以處分。 An international student who works in Taiwan illegally will be subject to disciplinary action in accordance with the regulations of Taipei University of Marine Technology governing student awards and penalties and depending on the circumstances of the case. Sinh viên làm việc bất hợp pháp tại Đài Loan sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy</p>

		<p>định khen thưởng và kỷ luật của trường Đại học Kỹ thuật Hải dương Đà Nẵng, tùy theo mức độ vi phạm.</p> <p>✓ 如涉在非法工作場所打工或工作內容涉及不法，則依法處分，退學遣送回國。 An international student who works or has a part-time job for an illegally working place, also the content of the work involves illegality, the student shall be punished according. Sinh viên làm việc tại nơi làm việc bất hợp pháp hoặc công việc có liên quan đến hành vi phạm pháp sẽ bị xử lý theo pháp luật, bị buộc thôi học và trục xuất về nước.</p> <p>✓ 工作證許可期間最長 6 個月，於上學期提出者，工作許可之期限至次學期之 3 月 31 日止，於下學期申請者，工作許可之期限至同年之 9 月 30 日止。 The maximum duration of the work permit is 6 months, For those submitted in the first semester, the work permit will expire on March 31 of the next semester. For applicants in the second semester, the work permit will expire on September 30 of the same year. Thời hạn giấy phép lao động tối đa là 6 tháng. Nếu nộp hồ sơ vào học kỳ một, giấy phép có hiệu lực đến ngày 31 tháng 3 của học kỳ tiếp theo. Nếu nộp hồ sơ vào học kỳ hai, giấy phép có hiệu lực đến ngày 30 tháng 9 cùng năm.</p>
6	<p>校園生活須知及資訊 Campus Life Đời sống sinh viên trong trường</p>	<p>✓ 安全 Safety 學生如果遇到緊急事件，可依下列步驟尋求支援協助： In case of emergencies, students are advised to seek help through one of the following ways: Nếu sinh viên gặp trường hợp khẩn cấp, có thể tìm sự trợ giúp theo các bước sau:</p> <p>1. 為爭取救援時效，如需救護車、消防車等緊急處理或需緊急報案，請優先撥打 119 或 110，以爭取救援車輛路程所需時間（若須以外語溝通，請撥打外籍人士 24 小時服務專線 0800-024-111）。 For a quick response, please take traffic time into consideration and first dial 119 or 110 for an ambulance or fire brigade if necessary. (You are advised to call the 24hr hotline 0800- 024-111 for assistance if you want to communicate in a language other than Chinese.) Để kịp thời được cứu trợ, nếu cần xe cứu thương, xe cứu hỏa hoặc cần báo án khẩn cấp, vui lòng gọi số 119 hoặc 110 trước tiên để giúp các xe cứu trợ đến nhanh hơn. (Nếu cần giao tiếp bằng ngôn ngữ khác tiếng Trung, vui lòng gọi đường dây nóng phục vụ 24 giờ dành cho người nước ngoài 0800-024-111.)</p> <p>2. 採取第一步驟後，撥打本校緊急專線電話 (02)2810-3595，學校支援系統將以最快速度為您服務。 You can also call the 24-hour University Assistance: (02)2810-3595 Sau khi gọi bước đầu, hãy gọi số điện thoại khẩn cấp của trường (02)2810-3595, hệ thống hỗ trợ của trường sẽ phục vụ bạn nhanh nhất có thể.</p>
7	<p>畢業門檻 graduation threshold Tiêu chuẩn tốt nghiệp</p>	<p>✓ 修業年限：學士班為 4 至 6 年。 Bachelor Degree Programs : 4 to 6 years Thời gian học: Chương trình Cử nhân kéo dài từ 4 đến 6 năm.</p> <p>✓ 修業方式：國際學生產學合作專班(以下簡稱本專班)，依計畫專班上課</p>

		<p>及實習模式，於修業期限內完成所列之課程及畢業學分數 128 學分。 Graduation requirements : Based on the degree program's curricula and internship regulations, students should complete required credits for graduation during the period of study (128 credits). Phương thức học tập: Chương trình hợp tác đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp dành cho sinh viên quốc tế (gọi tắt là chương trình này), dựa trên kế hoạch học tập và thực tập của chương trình, sinh viên phải hoàn thành các học phần và đạt tổng số 128 tín chỉ trong thời gian quy định để tốt nghiệp.</p>
--	--	---

■ 本人已閱讀、瞭解並且同意以上規定：

I have read and understood all the information and regulations set out above and I agree to comply with the regulations. Tôi đã đọc, hiểu và đồng ý tuân thủ tất cả các thông tin và quy định đã nêu ở trên.

學生簽名 Student signature Chữ ký của sinh viên	簽屬日期 Date of signature Ngày ký
	(YYYY/MM/DD)

※依教育部 108 年 7 月 8 日臺教文(五)字第 1080099341 號函辦理。

本須知由本校國際暨兩岸交流中心留存。

This information form is retained by the Division of International and Cross-Strait Affairs Center of our school.

Thông tin này được thực hiện theo công văn số 1080099341 ngày 8 tháng 7 năm 2019 của Bộ Giáo dục Đài Loan.

Mẫu thông tin này được lưu giữ tại Trung tâm Hợp tác Quốc tế và Giao lưu Đại lục của trường chúng tôi.